

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LM
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LM
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trường
2. Bà Đặng Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LM tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ánh T1, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: khu vực BT, phường VT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Trung T2, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã LT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Ánh T1 trình bày:

Chị T1 và anh T2 sống chung từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường VT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang vào ngày 21/9/2017. Sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Chị T1 và anh T2 đã

sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị T1 yêu cầu được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Tr, giới tính nữ, sinh ngày 09/10/2016, từ khi ly thân đến nay, con sống chung với chị T1. Do đó, sau khi ly hôn, chị T1 yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng, chưa yêu cầu anh T2 cấp dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Trung T2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T2 được ly hôn; Về con chung: Chị Nguyễn Ánh T1 được tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Ngọc Tr, giới tính nữ, sinh ngày 09/10/2016. Anh Huỳnh Trung T2 chưa phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đề cập giải quyết; Án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trình tự, thủ tục.

[1.1] Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã LM nên Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Huỳnh Trung T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khai chị T1 và anh T2 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường VT vào ngày 21/9/2017, anh T2 không có ý kiến phản đối. Lời trình bày của chị T1 phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2017 của Ủy ban nhân dân phường VT nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng và đã ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa, chị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Như vậy, việc sống chung của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị T1 là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị T1 yêu cầu nuôi con chung, anh T2 không có ý kiến phản đối, từ khi ly thân đến nay Ngọc Tr sống chung với chị T1. Do đó, để ổn định môi trường sống cho Ngọc Tr, chấp nhận yêu cầu tiếp tục nuôi con chung của chị T1. Chị T1 chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét trong vụ án này.

[2.5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Ánh T1.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ánh T1 và Huỳnh Trung T2 được ly hôn.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Ánh T1 được tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Ngọc Tr, giới tính nữ, sinh ngày 09/10/2016. Anh Huỳnh Trung T2 chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Huỳnh Trung T2 có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

5. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét trong vụ án này.

6. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Ánh T1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004121 ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã LM, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị T1 đã nộp xong án phí.

7. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã LM;
- Chi cục THADS TX LM;
- UBND phường VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Châu Thanh Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

